TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày: 14-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Lâm Bảo Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Công Sết

2. Ông Huỳnh Văn Sức

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Thy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Thị Đam – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn T (T Ề); sinh ngày: 05/10/1994, tại huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; nơi cư trú ấp Phú L, xã Phú A, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Cha: Nguyễn Văn S, sinh năm 1956; Mẹ: Phạm Thị M, sinh năm 1962; anh, em ruột: Có 04 người, bị can là người thứ ba; vợ: Dương Thị H, sinh năm 1994; Con: Nguyễn Thiên B, sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự:

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 07/8/2019 đến nay, tại Nhà tạm giữ - Công an huyện Phú Tân.

2. Phạm Văn Bé N, Sinh ngày: 17/4/1996, tại huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú ấp Tân Bình Th, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Phạm Văn T, sinh năm 1952; mẹ: Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1960; Anh, em ruột: Có 04 người, bị can là người thứ tư; Tiền

án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 7/8/2019 đến nay (có mặt).

Người bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng cho bị cáo Phạm Văn Bé N – Bà Phạm Thanh Ái D – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An giang. Địa chỉ số 8/18 đường Lý Thường Kiệt, phường Mỹ Bình, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An giang. Có mặt

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T (T Ể) – bị cáo Phạm Văn Bé N – Luật sư Quách Thanh Ph sinh năm 1977 – Văn phòng luật sư Quách Phong – Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ : ấp Th 2, thị trấn Phú M, huyện Phú T, tỉnh An giang. Có mặt

Người bị hại: Anh Võ Bảo T sinh năm 1994. Địa chỉ ấp Phú H, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan :

Chị Dương Thị H sinh năm 1994. Địa chỉ ấp Phú Đ, xã Phú X huyện Phú T, tỉnh An Giang. (có mặt)

Chị Hồ Thị Mỹ L sinh năm 1975. Địa chỉ ấp Hiệp H, xã Hiệp X, huyện Phú T, tỉnh An Giang. (có mặt)

Anh Phan Thành N sinh năm 1994. Địa chỉ ấp Gò Ba G, xã Phú Th, huyện Phú T, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

Anh Châu Văn S sinh năm 1976. Địa chỉ ấp T 1, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

Chị Dương Lệ Ch sinh năm 1963. Địa chỉ ấp T 1, thị trấn Chợ M, huyện Chợ M, tỉnh An Giang.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 01 giờ ngày 22/7/2019, Nguyễn Văn T (T Ể), sinh năm 1994, ngụ ấp Phú L, xã Phú A, huyện Phú T có ý định đi tìm tài sản của người khác lấy trộm bán tiêu xài. T đi đến khu dân cư thuộc ấp Phú H, xã Phú Th, huyện Phú T thấy có nhà đang tổ chức đám cưới, nhà không có hàng rào, cửa nhà chính không khóa, có 01 xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe NOZZA, màu sơn trắng, biển số 67K1 - 326.84 đang dựng trước hàng ba nhà. Quan sát không thấy người T vào dẫn xe ra đường, theo hướng cầu Phú Xuân, cách đó khoảng 200 mét, tháo dây điện ổ khóa, nổ máy xe chạy về đậu dưới sàn nhà cha ruột là Nguyễn Văn S, sinh năm 1956 ngụ cùng ấp. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, T điện thoại cho Phạm Văn Bé N, sinh năm 1996, ngụ ấp Tân Bình Th, xã Tân H, huyện Thanh B, tỉnh Đồng Tháp cùng đi bán xe. Bé N biết T kêu cùng đi bán xe trộm cắp là do trước đó (khoảng tháng

6/2019) giữa T, Bé N và Nguyễn Văn C có hứa hẹn nhau khi nào đi trộm xe hoặc đem tiêu thụ thì cho biết cùng đi. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Bé N điều khiển xe Wave màu xanh (đã cũ) đi qua và ngủ tại nhà của ông Sơn.

Đến khoảng 04 giờ ngày 23/7/2019, T điện thoại kêu vợ là Dương Thị H, sinh năm 1994, ngụ ấp Phú Đ, xã Phú X, huyện Phú T (cách nhà T khoảng 05km) và kêu Hân chạy xe mô tô loại Future, màu sơn xanh - xám, biển số 67L1 - 962.38 (sở hữu chung của T và H) đến nhà Sơn giao cho T. Sau đó, T điều khiển xe mô tô biển số 67K1 - 326.84, còn Bé N điều khiển xe mô tô biển số 67L1 - 962.38 đến thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Tại đây, T bán xe mô tô biển số 67K1 - 326.84 cho V (không rõ họ, địa chỉ) được 9.000.000 đồng. T cho Bé N 300.000 đồng, còn lại 8.700.000 đồng T tiêu xài hết.

Qua điều tra, Nguyễn Văn T và Phạm Văn Bé N cùng khai nhận: Vào ngày 25/6/2019 Nguyễn Văn Cơ, sinh năm 1982 ngụ ấp Phú L, xã Phú A, huyện Phú T điện thoại rủ T cùng đi tiêu thụ xe lấy trộm. Do bận việc nên T điện thoại cho Bé N để đi cùng Cơ. Do đã có hứa hẹn trước và biết Cơ đã lấy trộm được xe đem tiêu thụ nên Bé N đồng ý. Sau đó, Bé N điện thoại cho Cơ và được Cơ hẹn gặp nhau tại bến đò Hòa Bình (xã Hòa Lạc, huyện Phú Tân). Bé N điều khiển xe mô tô biển số 67L1 - 962.38 của T đến nơi gặp Cơ đang chờ. Sau đó, Cơ điều khiển xe mô tô biển số 68M3 - 9898, loại FUTURE NEO, màu sơn xám - bạc - đen, còn Bé N điều khiển xe mô tô biển số 67L1 - 962.38 đến thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Cơ bán xe mô tô biển số 68M3 - 9898 cho Vinh (không rõ họ, địa chỉ), không rõ được bao nhiêu tiền nhưng Cơ cho Bé N 300.000 đồng tiêu xài. Quá trình điều tra xác định xe mô tô biển số 68M3 - 9898 là của Hồ Thị Mỹ L, sinh năm 1975 ngụ ấp Hiệp H, xã Hiệp X, huyện Phú T bị mất trộm vào ngày 22/6/2019.

Bị hại Võ Bảo T1 yêu cầu được bồi thường theo đúng giá trị đã được Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Phú Tân kết luận.

Căn cứ các Kết luận định giá tài sản số 73 ngày 02/8/2019; số 91 ngày 13/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Tân, kết luận: 01 xe mô tô biển số 67K1 - 326.84, hiệu YAMAHA, loại xe NOZZA, màu sơn trắng, đã qua sử dụng, giá trị là 18.617.500 đồng; 01 xe mô tô biển số 68M3 - 9898, hiệu HONDA, loại xe FUTURE NEO, màu sơn xám - bạc - đen, đã qua sử dụng, giá trị là 17.250.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 35.867.500 đồng (Bút lục số: 26, 27; 35 - 37).

Ngày 16/8/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Phú Tân khởi tố vụ án, khởi tố bị can, tạm giam Nguyễn Văn T (T Ề) và Phạm Văn Bé N để điều tra, xử lý.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang truy tố Nguyễn Văn T (T Ển) và Phạm Văn Bé N tại Cáo trạng số 36/CT-VKS-PT ngày 15/11/2019, về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có ý kiến giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn Bé N về tội "Trộm cắp tài sản"

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng :

Về trách nhiệm hình sự :

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm b, s, Khoản 1, Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (T Ển) từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản",* thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2019.

+ Áp dụng Khoản 1, Điều 173; Điểm b, i, s, Khoản 1, Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn Bé N từ 06 tháng đến 09 tháng tù, về tội *"Trộm cắp tài sản",* thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2019.

- *Hình phạt bổ sung:* Do hoàn cảnh kinh tế của các bị cáo khó khăn nên không đề nghị áp dụng.

*** Về trách nhiệm dân sự**

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự, đề nghị HĐXX tuyên buộc hai bị cáo T, Bé N phải liên đới bồi thường số tiền giá trị chiếc xe cho anh T1 là 18.617.500đ, trong quá trình giải quyết gia đình của bị cáo T và Bé N có nộp tiền khắc phục hậu quả là 1.300.000đ theo biên lai thu số 0004803 và biên lai thu 0004804 cùng ngày 19/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Còn lại 17.317.500đ các bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

* ***Về xử lý vật chứng:***

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

+ Tịch thu giá trị ½ xe mô tô biển số 67L1 - 962.38, nhãn hiệu HONDA, màu sơn xanh - xám, dung tích 124, số máy JC76E0099727; số khung 761XGZ066551 (đã qua sử dụng);

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu trắng, đã qua sử dụng.

(Các vật chứng hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/11/2019).

Người bào chữa theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng : bà Phạm Thanh Ái D – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh An Giang : Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa, thống nhất với cáo trạng truy tố

của Viện kiểm sát về tội danh, đề nghị xem xét tình tiết giảm nhẹ của bị cáo Phạm Văn Bé N như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khắc phục một phần hậu quả, chưa có tiền án, tiền sự là lao động chính trong gia đình, miễn án phí vì thuộc hộ nghèo. Xem xét áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đề nghị xử phạt án treo.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T, Bé N : thống nhất như luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh của các bị cáo. Về vai trò đối với bị cáo T : trước khi thực hiện việc trộm cắp tài sản thì giữa T và Bé N có hứa hẹn cùng nhau thực hiện tội phạm nhưng việc hứa hẹn không nói rõ cụ thể, không phân công vai trò của từng người nên cả hai thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, T giữ vai trò chính là người trực tiếp thực hiện việc lấy tài sản của người bị hại, tuy là người thực hiện nhưng bị cáo T xuất thân từ lao động nghèo, thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có hạn chế, thõa mãn các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS.

Đối với bị cáo Bé N tham gia vụ án với vai trò giúp sức, chỉ hưởng lợi số tiền 300.000đ, giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, tác động gia đình nộp khắc phục một phần hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xuất thân từ tầng lớp lao động, học vấn thấp nên nhận thức pháp luật hạn chế, là lao động chính trong gia đình, thuộc trường hợp có sổ hộ nghèo.

Về trách nhiệm dân sự : Do chiếc xe bị cáo T sử dụng vào việc phạm tội là tài sản chung của vợ chồng, chị Hân không biết T sử dụng vào việc phạm tội. Tại phiên tòa, chị Hân yêu cầu được hưởng 50% giá trị chiếc xe là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS

Xử phạt : Bị cáo Nguyễn Văn T 12 tháng tù về tội :" Trộm cắp tài sản"

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 17, Điều 38, điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS

Xử phạt : Bị cáo Phạm Văn Bé N 06 tháng tù về tội : " Trộm cắp tài sản"

Bị cáo Nguyễn Văn T (T Ề) và bị cáo Phạm Văn Bé N có ý kiến thống nhất với cáo trạng của Viện kiểm sát và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên, ý kiến của trợ giúp pháp lý, người bào chữa tham gia phiên tòa, đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T và bị cáo Phạm Văn Bé N khai nhận: Do cả hai đã có hứa hẹn trước trong việc tìm tài sản trộm để bán lấy tiền tiêu xài, Nguyễn Văn T (T Ể) đã thực hiện hành vi lấy trộm xe mô tô hiệu YAMAHA, loại xe NOZZA biển số 67K1 - 326.84 trị giá 18.617.500đ của anh Võ Bảo T1, sau đó cùng với Bé N đem đi bán được 9.000.000đ, T cho Bé N 300.000đ, còn lại T sử dụng hết.

Lời khai nhận của bị cáo T và bị cáo Bé N phù hợp với lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi lấy trộm 01 chiếc xe trị giá 18.617.500đ của bị hại mà các bị cáo đã thực hiện là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đủ định lượng tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình và các bị cáo có đủ năng lực hành vi dân sự cũng như năng lực chịu trách nhiệm hình sự nên hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định trong Bộ Luật hình sự.

Trong vụ án này, có yếu tố đồng phạm nhưng thuộc loại giản đơn, trong đó bị cáo T là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, Bé N tuy không trực tiếp tham gia nhưng đã có sự bàn bạc thống nhất trong việc lấy trộm tài sản và cùng nhau tiêu thụ, mục đích bán tài sản lấy tiền tiêu xài, phục vụ nhu cầu cá nhân, Bé N thực hiện với vai trò người giúp sức, khi hay tin có tài sản trộm thì cùng đi với T kiếm nơi tiêu thụ và được chia trong việc bán tài sản do trộm được mà có.

Ngoài ra, trong vụ án này qua điều tra còn có đối tượng liên quan tên Nguyễn Văn Cơ liên quan đến vụ việc chị Hồ Thị Mỹ Liên bị mất trộm xe biển số 68M3 – 9898, hiệu HONDA, loại xe Future, màu sơn xanh – xám – bạc đen, đã qua sử dụng trị giá 17.250.000đ, đối tượng này đã bị khởi tố và truy nã trong vụ án khác, khi nào cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện Phú Tân làm việc được sẽ xử lý sau.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng số 36/CT-VKS-PT ngày 15/11/2019

của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc xác định bị cáo T và bị cáo Năm đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Xét về nguyên nhân phạm tội và tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Tài sản của công dân là do công sức của họ tạo ra hoặc do nguồn thu nhập hợp pháp khác mà họ có được và được mọi người tôn trọng, pháp luật bảo vệ, những hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản riêng công dân thì sẽ bị xử lý nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T và bị cáo Năm đứng trước Tòa hôm nay là người có năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết được việc "Trộm cắp tài sản" là vi phạm pháp luật, nhưng do lười lao động, có tính tham lam và xem thường pháp luật nên đã thúc đẩy các bị cáo phạm tội, đây cũng là nguyên nhân và là động cơ phạm tội của các bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của anh T1, đồng thời còn làm ảnh hưởng đến trật tự an T1 xã hội ở địa phương và làm cho người dân hoang mang lo sợ trong việc bảo vệ tài sản. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, để răn đe, giáo dục bị cáo và để phòng ngừa chung loại tội phạm này ở địa phương.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đối với bị cáo T có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xử phạt 01 năm 3 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, đến ngày 04/11/2012 chấp hành xong hình phạt, đến nay đã xóa án tích, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, ngoài ra có tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại. Đối với bị cáo Bé N quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có tác động gia đình khắc phục hậu quả, trình độ học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có hạn chế, xuất thân từ thành phần lao động, có tác động gia đình khắc phục thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, bản thân chưa có tiền án, tiền sự phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Võ Bảo T1 yêu cầu các bị cáo phải chịu trách nhiệm trong việc bồi thường theo đúng giá trị chiếc xe đã được định giá là 18.617.500đ, yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, các Điều 584, 585, 587 và 589 Bộ luật Dân sự, buộc hai bị cáo T, Bé N phải liên đới bồi thường số tiền giá trị chiếc xe cho anh T1 là 18.617.500đ, trong quá trình giải quyết gia đình của T, Bé N có nộp

tiền khắc phục hậu quả là 1.300.000đ theo biên lai thu số 0004803 ngày 19 tháng 12 năm 2019 và biên lai thu 0004804 ngày 19 tháng 12 năm 2019 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Còn lại 17.317.500đ các bị các có trách nhiệm bồi thường cho bị hại.

Riêng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ Thị Mỹ L yêu cầu người lấy trộm xe bồi thường theo đúng giá trị đã được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Tân kết luận (số tiền 17.250.000 đồng) khi nào cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Phú Tân làm việc được Nguyễn Văn Cơ sẽ xử lý sau.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 chiếc xe gắn máy biển số 67L1 -962.38 nhãn hiệu HONDA, số loại future FI, màu sơn: xanh – xám, dung tích 124, số máy JC7E0099727, số khung 761XGZ66551, đã qua sử dụng (không giấy đăng ký xe mô tô xe máy, chưa kiểm tra chất lượng bên trong), theo điều tra và tại phiên tòa hôm nay xác định đây là tài sản chung của vợ chồng, việc T sử dụng làm phương tiện phạm tội, chị Hân không hay biết, đề nghị trả lại giá trị ½ chiếc xe. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tài sản chung của T và Hân, việc T sử dụng chiếc xe vào hành vi phạm tội, Hân không biết, nên tịch thu giá trị ½ chiếc xe này.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, màu trắng, đã qua sử dụng. Đây là điện thoại của bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Năm thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T (T Ể) và bị cáo Phạm Văn Bé N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38, điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T (T Ể) 01 (một) năm tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38, điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn Bé N 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2019.

Căn cứ Điều 47, 48 Bộ luật Hình sự 2015, Điều 106; các điều 136, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự ; Điều 584; Điều 585, Điều 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Tịch thu giá trị ½ chiếc xe mô tô biển số 67L1 - 962.38, nhãn hiệu HONDA, màu sơn xanh - xám, dung tích 124, số máy JC76E0099727; số khung 761XGZ066551, đã qua sử dụng. Giá trị ½ còn lại trả cho chị Dương Thị H.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiện Nokia, model : RM – 1190, IMEI 1 : 353422090346502, IMEI 2: 353422093346509, màu trắng, đã qua sử dụng.

Vật chứng nêu trên hiện đang do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân quản lý (theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 15 tháng 11 năm 2019).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T (T Ển) và bị cáo Phạm Văn Bé N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho anh Võ Bảo T1 17.317.500đ.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân chi trả cho anh Võ Bảo T1 số tiền 1.300.000đ theo biên lai thu số 0004803 ngày 19 tháng 12 năm 2019 và biên lai thu 0004804 ngày 19 tháng 12 năm 2019. Đây là số tiền các bị cáo bồi thường cho bị hại hiện cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân đang quản lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí DSST là 866.000đ, do bị cáo Năm thuộc hộ nghèo nên được miễn, số tiền án phí còn lại bị cáo T phải chịu là : 433.000đ (bốn trăm ba mươi ba ngàn đồng)

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Tân;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Lâm Bảo Ngọc